TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 27/2020/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 22 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị N – Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã Q 2, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Anh Võ Quốc T – Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã Q 2, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị N và anh Võ Quốc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Mai Thị N và anh Võ Quốc T có 03 con chung là Võ Huyền R – SN: 10/3/2002, Võ Huyền H – SN: 10/8/2004, Võ Trọng N – SN: 04/7/2007. Cả hai thống nhất giao cả 03 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N và anh T mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm ngàn đồng)* nhưng chị N tự nguyện chịu án phí cho anh T nên chị N phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ-ST được trừ vào số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai đóng tiền tạm ứng số AA/2015/0011272 ngày 25/12/2019 tại Chi cục THADS huyện Đ. Chị N được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh PY;
- VKSND h. Đ (2);
- Chi cục THADS h. Đ;
- UBND xã Q 2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Long